TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thiện;

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Nhã U, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 12, Ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1970; nơi cư trú: 72/3 khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2020, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Phan Thị Nhã Uyên trình bày:

Bà Phan Thị Nhã U và ông Lê Văn A tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 Quyển số 01-2013 ngày 03 tháng 9 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung tên Lê Phan Khải H, sinh ngày 05/7/2014. Tuy nhiên, sống chung được

một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hoà hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Bà U xác định không còn tình cảm gì với ông A, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ hạnh phúc được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Uyên được ly hôn với ông A.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà U yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Lê Phan Khải H, sinh ngày 05/7/2014. Bà U yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quá trình tố tụng, bà U rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và xác định không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con và các tài liệu có liên quan.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 5 năm 2021 bị đơn ông Lê Văn A trình bày:

Bà Phan Thị Nhã U và ông Lê Văn A tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 Quyển số 01-2013 ngày 03 tháng 9 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2019 thì bà U bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Đồng Nai sinh sống, vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ được với nhau. Đời sống vợ chồng ngột ngạt, từ khi bà Uyên bỏ đi đến nay hai vợ chồng không tìm cách hàn gắn. Bản thân ông An xác định cũng không còn tình cảm với bà U nhưng vì thương con, muốn con có một gia đình đầy đủ nên ông A không đồng ý ly hôn. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, ông A đồng ý giao con chung cho bà U được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị Nhã U có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy mặc dù ông Lê Văn A không đến Tòa án để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng qua xác minh tại địa phương, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; về con chung: Bà U yêu cầu được nuôi con, ông A cũng đồng ý giao con cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Phan Khải H nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức tống đạt trực tiếp theo quy định của pháp luật các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để làm việc; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu để tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn bà Phan Thị Nhã U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Nhã U và ông Lê Văn A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét phần trình bày của nguyên đơn và bị đơn về việc vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ, xô xát lẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không chia sẻ được với nhau, đời sống vợ chồng ngột ngạt. Lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ, phù hợp với kết quả xác minh nơi đương sự cư trú.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Phan Thị Nhã U và ông Lê Văn A là trầm trọng, vợ chồng không còn chăm sóc cho nhau, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên về việc cho bà Phan Thị Nhã U được ly hôn với ông Lê Văn A.

Về con chung: Bà Phan Thị Nhã U và ông Lê Văn A có con chung là Lê Phan Khải H sinh ngày 05/7/2014. Bà U yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu ông An cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của bà U là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con và ý kiến của ông A về việc giao con chung cho bà Uyên trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án giao các cháu Lê Phan Khải H cho bà Uyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Nhã U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Nhã U về việc xin ly hôn với ông Lê Văn A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Nhã U được ly hôn với ông Lê Văn A.

Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Nhã U được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Phan Khải H, sinh ngày 05/7/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Nhã U không yêu cầu ông Lê Văn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Thị Nhã U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0053754 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ